

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CUỐI KÌ II – SỬ 12 (2025-2026)

- Câu 1.** Một trong những mục tiêu của đường lối Đổi mới ở Việt Nam được đề ra từ tháng 12/1986 là
A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh. B. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.
C. đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng. D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.
- Câu 2.** Đặc trưng nền kinh tế Việt Nam trước khi thực hiện đường lối Đổi mới (1986) là
A. tự nhiên. B. bao cấp. C. tự chủ. D. thị trường.
- Câu 3.** Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế
A. thị trường. B. tập trung. C. bao cấp. D. kế hoạch hóa.
- Câu 4.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) xác định nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế lớn là
A. lương thực – nông sản, hàng tiêu dùng, hàng nhập khẩu.
B. lương thực, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nông sản.
C. lương thực – thực phẩm, hàng xuất khẩu, hàng quân sự.
D. lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- Câu 5.** Trong đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?
A. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. B. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
C. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Câu 6.** Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng
A. kinh tế tập trung. B. kinh tế thị trường.
C. xã hội chủ nghĩa. D. phân phối theo lao động.
- Câu 7.** Không phải là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng và toàn dân Việt Nam trong giai đoạn 1986 – 1996 là
A. từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. B. đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.
C. bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền dân tộc. D. đề ra chương trình xây dựng Nông thôn mới.
- Câu 8.** Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) chủ trương đổi mới về chính trị là xây dựng Nhà nước
A. pháp quyền xã hội chủ nghĩa. B. nền chuyên chính của tư sản.
C. đại đoàn kết toàn thể dân tộc. D. phân chia quyền lực rõ ràng.
- Câu 9.** Đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) có nội dung nào sau đây?
A. Chỉ tập trung đổi mới về chính trị. B. Kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội.
C. Chỉ tập trung đổi mới về văn hóa. D. Chỉ đổi mới về tổ chức và tư tưởng.
- Câu 10.** Nhiệm vụ trung tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 – 2006 là
A. tiến hành một cách toàn diện và đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị.
B. gắn tăng trưởng, phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
C. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.
D. chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Câu 11.** Trong nội dung đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1986 – 1995, đã xác định nội dung nào sau đây được coi là quốc sách hàng đầu?
A. Kinh tế – chính trị. B. Khoa học – công nghệ.
C. Kinh tế – xã hội. D. An ninh – quốc phòng.
- Câu 12.** Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), về chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương
A. duy trì cơ chế quản lý kinh tế bao cấp. B. duy trì cơ chế quản lý kinh tế tập trung.
C. xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. D. chưa mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- Câu 13.** Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân là nội dung trong đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) về
A. chính trị. B. văn hóa. C. pháp luật. D. đối ngoại.
- Câu 14.** Trong đường lối Đổi mới đất nước (từ tháng 12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại
A. hòa bình, hữu nghị, hợp tác. B. hòa bình, hữu nghị, trung lập.
C. hữu nghị, coi trọng hợp tác kinh tế. D. hòa bình, mở rộng hợp tác về văn hóa.
- Câu 15.** Trong đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?
A. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
C. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- Câu 16.** Đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986) không có nội dung nào sau đây?
A. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ. B. Kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội.
C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. D. Đổi mới văn hóa, tư tưởng trước tiên.
- Câu 17.** Từ năm 1996 đến năm 2006, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam bước vào giai đoạn nào sau đây?
A. Khởi đầu công cuộc đổi mới. B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
C. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. D. Xem xét lại con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Câu 18. Nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế được xác định tại Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Đại hội V. B. Đại hội VI. C. Đại hội VII. D. Đại hội VIII.

Câu 19. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2006) của Đảng đã xác định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển

- A. an ninh kinh tế. B. kinh tế tri thức.
C. dân chủ nhân dân. D. dân sinh, dân chủ.

Câu 20. Chương trình kinh tế nào được đưa lên hàng đầu trong kế hoạch Nhà nước 5 năm ở Việt Nam (1986 – 1990)?

- A. Hàng xuất khẩu. B. Hàng tiêu dùng.
C. Công nghiệp nặng. D. Lương thực – thực phẩm.

Câu 21. Một trong những nội dung cơ bản của đường lối Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006 ở Việt Nam về kinh tế là

- A. coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.
B. đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
C. chú trọng phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
D. đa phương hóa các quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 22. Một trong những nội dung cơ bản của đường lối Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006 ở Việt Nam về văn hóa là

- A. coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.
B. đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
C. chú trọng phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
D. đa phương hóa các quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải là đường lối Đổi mới về chính trị ở Việt Nam giai đoạn 1996 – 2006?

- A. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.
B. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.
C. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
D. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

Câu 24. Nội dung nào sau đây **không** phải là đường lối Đổi mới về văn hóa – xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1996 – 2006?

- A. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
B. Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.
C. Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.
D. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 25. **Không** phải là nội dung về đường lối Đổi mới về quốc phòng – an ninh ở Việt Nam giai đoạn 1996 – 2006?

- A. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân.
B. Xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân.
C. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.
D. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Câu 26. Một trong những nguyên nhân khách quan thúc đẩy Đảng và Nhà nước Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước (12/1986)?

- A. Sự ủng hộ từ phong trào cách mạng thế giới. B. Các nước Đông Âu đều đã tiến hành đổi mới.
C. Cuộc khủng hoảng rất trầm trọng của Liên Xô. D. Cải tổ ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu.

Câu 27. Nội dung nào **không** phải là bối cảnh của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đầu thế kỷ XXI?

- A. Kinh tế tri thức và quá trình công nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ.
B. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn còn tồn tại và phát triển.
C. Sự cạnh tranh quyết liệt về kinh tế giữa các nước diễn ra phức tạp.
D. Khu vực Đông Nam Á phát triển năng động, ổn định và bền vững.

Câu 28. Trong đường lối Đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 12/1986), nội dung nào sau đây là một trong những chủ trương đổi mới về kinh tế?

- A. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. B. Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.
C. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. D. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Câu 29. Một trong những khó khăn trong quan hệ quốc tế mà Việt Nam phải đối mặt khi bắt đầu công cuộc Đổi mới là gì?

- A. Mỹ thực hiện chính sách cấm vận. B. Cuộc xung đột tại Trung Đông.
C. Sự phát triển của các nước Đông Âu. D. Chiến tranh lạnh tái bùng phát.

Câu 30. Trong đường lối Đổi mới đề ra từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước nhằm

- A. giải quyết tình trạng khủng hoảng kéo dài về chính trị. B. phát triển kinh tế theo định hướng tư bản chủ nghĩa.
C. phát huy quyền làm chủ kinh tế của nhân dân. D. xóa bỏ hoàn toàn thành phần kinh tế quốc doanh.

Câu 31. Một trong những thành tựu kinh tế – xã hội Việt Nam đạt được sau 10 năm đổi mới (1986 – 1996) là

- A. hoàn thành công nghiệp hóa đất nước. B. hoàn thành hiện đại hóa đất nước.
C. vượt qua khủng hoảng kinh tế – xã hội. D. xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.

Câu 32. Chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các ngành công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP, là nói đến

- A. tăng trưởng kinh tế. B. cơ cấu kinh tế theo thành phần.
C. cơ cấu kinh tế theo ngành. D. quy mô nền kinh tế được mở rộng.

- Câu 33.** Một trong những thành tựu chính trị của Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986) là
- A. xây dựng Nhà nước chuyên chính vô sản. B. thực hiện xong xoá đói, giảm nghèo.
C. duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. D. bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền.
- Câu 34.** Ngày 11/7/1995, diễn ra sự kiện gì gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?
- A. Việt Nam và Mĩ bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
B. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
C. Việt Nam trở thành thành viên của Liên hiệp quốc.
D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước EU.
- Câu 35.** Về văn hoá – xã hội, Việt Nam đạt được thành tựu nào sau đây trong thời kì Đổi mới?
- A. Xoá hoàn toàn hộ nghèo. B. Phổ cập giáo dục đại học.
C. Giảm tỉ lệ hộ nghèo D. Bước đầu xoá mù chữ.
- Câu 36.** Một trong những kết quả mà Đổi mới về chính trị, an ninh – quốc phòng đem lại cho Việt Nam là
- A. giữ vững sự ổn định chính trị. B. trở thành cường quốc quân sự.
C. giành lại thành công Hoàng Sa. D. ngân sách quốc phòng tăng lên.
- Câu 37.** Một trong những thành tựu về chính trị trong công cuộc Đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay là gì?
- A. Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ.
B. Thị trường xuất nhập khẩu mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng.
C. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.
D. Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.
- Câu 38.** Về chính trị, trong thời kì Đổi mới, Việt Nam đã đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?
- A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
B. Xây dựng được mô hình Nhà nước chuyên chính vô sản.
C. Xoá bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới, dân chủ.
D. Thay đổi phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- Câu 39.** Từ khi thực hiện Đổi mới, Việt Nam đạt được thành tựu kinh tế nào sau đây?
- A. Trở thành nước công nghiệp tiên tiến. B. Thu nhập đầu người cao nhất Đông Nam Á.
C. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh. D. Chi phối nền tài chính châu Á.
- Câu 40.** Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới về xã hội là
- A. xóa bỏ hố sâu phân cách giàu nghèo trên cả nước. B. đã xóa bỏ hoàn toàn các mâu thuẫn trong xã hội.
C. chấp nhận, cho phép tự do thành lập các Đảng. D. những nhu cầu thiết yếu được đáp ứng tốt hơn.
- Câu 41.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay?
- A. Lạm phát được kiểm soát khá tốt. B. Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực.
C. Mức sống của dân cư đều và rất cao. D. Tăng trưởng kinh tế khá cao và tương đối bền vững.
- Câu 42.** Một trong những biểu tượng nổi bật thể hiện thành công bước đầu của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986) là
- A. xây dựng được đường dây điện 500 kV Bắc – Nam. B. khánh thành cầu Long Biên nối 2 bờ sông Hồng.
C. nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng. D. xây dựng được nhà máy gang thép Thái Nguyên.
- Câu 43.** Nội dung nào sau đây là thành tựu của đổi mới về chính trị ở Việt Nam (từ năm 1986)?
- A. Thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng. B. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn.
C. Mở rộng quan hệ quốc phòng với nhiều nước. D. Quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng.
- Câu 44.** Nội dung nào sau đây là thành tựu về kinh tế đối ngoại của Việt Nam từ sau năm 1986?
- A. tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối bền vững. B. cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa.
C. nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh chóng. D. hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Câu 45.** Một trong những thành tựu mà giáo dục Việt Nam đạt được vào năm 2010 là
- A. phổ cập giáo dục tiểu học. B. phổ cập trung học cơ sở.
C. đứng đầu thế giới về Văn học. D. đạt nhiều giải Nobel nhất.
- Câu 46.** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Việt Nam?
- A. Tư nhân. B. Nhà nước. C. Cá thể. D. Nước ngoài.
- Câu 47.** Một trong những thành tựu ngoại giao tiêu biểu mà Việt Nam đạt được năm 2007 là
- A. trở thành thành viên của tổ chức ASEAN. B. bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.
C. thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản. D. gia nhập tổ chức Thương mại thế giới WTO.
- Câu 48.** Trong những năm 1986 – 1996, về lương thực – thực phẩm, Việt Nam đạt được thành tựu nào?
- A. Đã có dự trữ và xuất khẩu gạo. B. Xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới.
C. Vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh. D. Cả nước không còn hiện tượng dân đói.
- Câu 49.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam?
- A. Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.
B. Từng bước đưa Việt Nam ra khỏi nhóm quốc gia có thu nhập trung bình.
C. Ổn định chính trị – xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
D. Tạo điều kiện nội lực để đẩy mạnh hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện.

Câu 50. Nội dung nào sau đây là đúng về thành tựu kinh tế Việt Nam trong thời kì Đổi mới?

- A. Trở thành nước có thu nhập cao nhất Đông Nam Á.
- B. Hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Trở thành một trong ba trung tâm tài chính của thế giới.
- D. Đa phương hoá, đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu.

Câu 51. Một trong những tác động tích cực mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đem đến cho Việt Nam là

- A. nhận chuyển giao công nghệ miễn phí.
- B. được miễn thuế khi bán hàng nông sản.
- C. dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn đầu tư.
- D. tiếp cận nguồn lao động giá rẻ châu Phi.

Câu 52. Một trong những nội dung là hạn chế của công cuộc Đổi mới kinh tế đất nước ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là

- A. tình trạng mất cân đối trong ngành kinh tế.
- B. lệ thuộc hoàn toàn thị trường Trung Quốc.
- C. chưa tiếp cận được thị trường châu Âu.
- D. chưa đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất.

Câu 53. Nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là

- A. những bài học từ Liên Xô và Trung Quốc.
- B. viện trợ to lớn, cần thiết từ Liên Hợp quốc.
- C. Mỹ chủ động xóa bỏ bao vây và cấm vận.
- D. vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 54. Kết quả đạt được bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986 – 1990), trên thị trường loại hàng hóa nào dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi?

- A. Tiêu dùng.
- B. Nhập khẩu.
- C. Xuất khẩu.
- D. Công nghiệp.

Câu 55. Một trong những kết quả quan trọng về mặt chính trị sau quá trình Đổi mới ở Việt Nam là gì?

- A. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.
- B. Chuyển đổi sang chế độ tư bản chủ nghĩa.
- C. Tăng cường nhập khẩu vũ khí quân sự.
- D. Xây dựng nền kinh tế quốc phòng vững mạnh.

Câu 56. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam đã tạo ra sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế như thế nào?

- A. Từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.
- B. Từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ.
- C. Từ kinh tế thị trường sang kinh tế tập trung quan liêu bao cấp.
- D. Từ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa sang nền kinh tế tự cung tự cấp.

Câu 57. Bước tiến của Việt Nam trong lĩnh vực ngoại giao năm 1995 là gì?

- A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Nhật Bản.
- D. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Pháp.

Câu 58. Thành tựu lớn nhất của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp khi tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986) là

- A. tự túc được một phần lương thực, thực phẩm.
- B. trở thành nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.
- C. trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất Đông Nam Á.
- D. đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu.

Câu 59. Trong thời kỳ Đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu văn hóa – xã hội ngoại trừ việc

- A. miễn phí một số dịch vụ y tế cho trẻ em.
- B. tạo thêm nhiều việc làm cho lao động trẻ.
- C. xóa bỏ được tình trạng lao động thất nghiệp.
- D. hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập tiểu học.

Câu 60. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến nay), nền kinh tế Việt Nam có đặc điểm nổi bật nào?

- A. Quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp.
- B. Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nhỏ lẻ, phân tán.
- C. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. Nền kinh tế tự cung, tự cấp, do nhà nước quản lý.

Câu 61. Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam năm 1986 đến nay có ý nghĩa chủ yếu nào?

- A. Thúc đẩy quá trình cải cách đổi mới ở Cuba và Triều Tiên.
- B. Nâng cao chất lượng giáo dục và phong trào bình dân học vụ.
- C. Xây dựng một mô hình xã hội chủ nghĩa tiên tiến trên thế giới.
- D. Đóng góp vào sự phát triển chung của kinh tế khu vực và thế giới.

Câu 62. Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

- A. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.
- B. Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.
- C. Tăng cường xuất khẩu công nghệ phần mềm.
- D. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật.

Câu 63. Những thành tựu về kinh tế – xã hội của Việt Nam đạt được trong thời kỳ Đổi mới (1986 – nay) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân.
- B. Góp phần tăng cường sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- C. Quyền làm chủ cơ bản của nhân dân bước đầu đã được thực hiện.
- D. Tạo điều kiện chính trị để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 64. Một trong những nội dung là hạn chế của công cuộc đổi mới văn hóa đất nước từ năm 1986 đến nay là

- A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ.
- B. nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một.
- C. còn thiếu đi một vài hệ tư tưởng chính thống.
- D. văn hóa không được truyền bá ra bên ngoài.

Câu 65. Một trong những khó khăn mà quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đem đến cho Việt Nam là

- A. sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường.
- B. bị đánh thuế cao đối với hàng nông sản.
- C. khó khăn trong quá trình vận chuyển.
- D. nguồn vốn được vay với lãi suất quá cao.

Câu 66. Một trong những bài học Đảng Cộng sản Việt Nam rút ra được từ công cuộc Đổi mới đất nước vẫn vẹn nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay là

- A. phải đảm bảo lợi ích cho nhân dân.
- B. phải liên kết với các cường quốc.
- C. phát triển nhanh các ngành kinh tế.
- D. thực hiện chế độ tam quyền phân lập.

Câu 67. Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam và cuộc cải cách – mở cửa của Trung Quốc đều có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.
- B. Trở thành ủy viên thường trực Hội đồng bảo an.
- C. Thu nhập quốc dân đạt mức trên 1000 tỷ đô la.
- D. Buộc Mỹ rút các căn cứ quân sự gần biên giới.

Câu 68. Nội dung nào dưới đây **không** phải là bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- B. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức phù hợp.
- C. Đổi mới phải vì lợi ích của cá nhân, phát huy vai trò của cá nhân.
- D. Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Câu 69. Những thành tựu đạt được của Việt Nam giai đoạn 1986 – 1995 chứng tỏ

- A. đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới đã hoàn thành.
- B. kế hoạch xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội đã thành công.
- C. đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.
- D. bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng lạm phát.

Câu 70. Thực tiễn của công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986) đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay?

- A. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- B. Dựa hoàn toàn vào nội lực để phát triển đất nước.
- C. Đổi mới phải toàn diện nhưng trọng tâm là đổi mới chính trị.
- D. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của giai cấp công nhân.

Đọc tư liệu dưới đây và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3

Đại hội đại biểu lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự đổi mới tư duy về tất cả các mặt an ninh - phát triển, lợi ích quốc gia – nghĩa vụ quốc tế, hợp tác – đấu tranh. Đồng thời, Việt Nam xác định những nhiệm vụ chiến lược: hòa bình và phát triển, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, thoát khỏi bao vây và cấm vận. Thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, từ năm 1986 đến năm 1991, Việt Nam đã đẩy mạnh hoạt động đối ngoại kinh tế, đối ngoại chính trị. Việt Nam đã xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác với các quốc gia láng giềng và trong khu vực, chuyển từ thế đối đầu sang đối thoại với các quốc gia trong ASEAN”.

(Trần Hùng Minh Phương, Quan hệ chính trị Việt Nam – ASEAN trong vấn đề Campuchia (1986 – 1991), Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 2018, tr. 135)

Câu 71. Đại hội đại biểu lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã

- A. đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế.
- B. đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước.
- C. đề ra bản Hiệp pháp của nước Việt Nam mới.
- D. mở đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 72. Trong Đại hội đại biểu lần thứ VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ chiến lược nào sau đây?

- A. Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành cải tổ.
- B. Tham gia vào các tổ chức khu vực và tổ chức quốc tế.
- C. Châm dứt tình trạng chiến tranh ở biên giới Tây Nam.
- D. Đưa đất nước tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Câu 73. Nội dung nào dưới đây phản ánh thành tựu của đối ngoại Việt Nam từ năm 1986 đến năm 1991?

- A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- B. Có quan hệ đối thoại với các nước trong khu vực.
- C. Trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới.
- D. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc.

Đọc tư liệu dưới đây và trả lời các câu hỏi từ 4 đến 6

“Từ cuối năm 1986 đến giữa năm 1996, đất nước Việt Nam đã trải qua 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng với hai kế hoạch kinh tế xã hội 5 năm. Trong 10 năm đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân Việt Nam đã phát huy cao độ nội lực của dân tộc, kiên trì mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa vì độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã giành được những thành tựu to lớn. Tuy còn một số mặt yếu kém, chưa vững chắc song nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội. Đất nước đã có điều kiện để chuyển sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

(Lê Mậu Hãn, Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.329)

Câu 74. Một trong những nguyên tắc hàng đầu đặt ra cho công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay là

- A. gia nhập các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế.
- B. kiên trì mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. Tiến hành tập thể hóa nông nghiệp, công nghiệp.
- D. xóa bỏ hố sâu phân cách giàu nghèo trên cả nước.

Câu 75. Kết quả lớn nhất của công cuộc Đổi mới đất nước trong giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1996 là

- A. đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội.
- B. đưa Việt Nam trở thành cường quốc số 1 của châu Á.
- C. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước xã hội chủ nghĩa.
- D. đã thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 76. Thành tựu đạt được bước đầu trong giai đoạn 1986 – 1996 của công cuộc Đổi mới đất nước chứng tỏ điều gì?

- A. Đã phát huy được sức mạnh của một dân tộc.
- B. Phương thức hoạt động của Đảng có sự đổi mới.
- C. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam được mở rộng.
- D. Đường lối đổi mới của Đảng là đúng, phù hợp.

CHỦ ĐỀ 5: LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

- Câu 1.** Trong những năm 1905 – 1908, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở
A. Xiêm (Thái Lan). B. Trung Quốc. C. Nhật Bản. D. Liên Xô.
- Câu 2.** Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX?
A. Tổ chức phong trào Đông du. B. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
C. Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản. D. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp.
- Câu 3.** Hoạt động của Phan Châu Trinh trong thời gian ở Pháp (những năm đầu thế kỉ XX) nhằm mục đích nào sau đây?
A. Thiết lập quan hệ với nước Pháp. B. Vận động cải cách cho Việt Nam.
C. Nhờ Pháp để đánh đuổi Nhật Bản. D. Vận động trao trả độc lập cho Việt Nam.
- Câu 4.** Phong trào nào sau đây được Phan Bội Châu tổ chức trong giai đoạn 1905 đến 1908?
A. Tây học. B. Cải cách. C. Bạo động D. Đông Du.
- Câu 5.** Trong những năm 1911 – 1922, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc ở quốc gia nào sau đây?
A. Pháp. B. Nhật Bản. C. Liên Xô. D. Trung Quốc.
- Câu 6.** Trong thời gian hoạt động tại Pháp (1920), Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?
A. Việt Nam Quang phục hội. B. Đảng Cộng sản Liên Xô.
C. Đảng Cộng sản Pháp. D. Tân Việt Cách mạng đảng.
- Câu 7.** Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) đã liên lạc với lực lượng cách mạng ở khu vực
A. Đông Nam Á. B. Mĩ La-tinh. C. Bắc Phi. D. Tây Nam Á.
- Câu 8.** Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 – 1924) đã xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với
A. phong trào cách mạng ở Mĩ La-tinh. B. Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.
C. cách mạng Lào và các nước Đông Âu. D. hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa.
- Câu 9.** Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc là những nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu đã thực hiện
A. những hoạt động đối ngoại bước đầu. B. những hoạt động ngoại giao chính thức.
C. các hoạt động ngoại giao với các nước. D. các hoạt động đối ngoại chính thức.
- Câu 10.** Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1930 – 1945 chủ yếu là
A. liên kết với các nước phương Tây chống đế quốc, thực dân.
B. phục vụ cho mối quan hệ ngoại giao với các nước lớn.
C. tìm kiếm liên minh quân sự với các cường quốc lớn.
D. phục vụ đấu tranh chống thực dân, phát xít giành độc lập.
- Câu 11.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1930 – 1945?
A. Tổ chức nhiều hoạt động để ủng hộ Liên Xô. B. củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc
C. Tham gia các khối quân sự chống phát xít. D. Liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật Bản.
- Câu 12.** Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đưa ra chủ trương nào sau đây?
A. Đứng về phía phe đồng minh chống phát xít. B. Liên minh quân sự với các quốc gia Đông Nam Á.
C. Triển khai các hoạt động giúp đỡ các nước bại trận. D. Thành lập liên minh chống chiến tranh ở Đông Dương.
- Câu 13.** Một trong những hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945
A. gửi yêu cầu ngừng bắn đến nước Pháp. B. gửi công hàm đến Liên hợp quốc.
C. yêu cầu nước Pháp trao trả độc lập. D. thành lập Liên minh Việt – Miên – Lào.
- Câu 14.** Sau 2/9/1945, Chính phủ Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại mềm mỏng với
A. Anh B. Nhật. C. Pháp. D. Trung Hoa dân quốc.
- Câu 15.** Sau 2/9/1945, Chính phủ Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại kiên quyết đấu tranh chống xâm lược với
A. Anh B. Nhật. C. Pháp. D. Trung Hoa dân quốc.
- Câu 16.** Năm 1946, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây với Pháp?
A. Ký Hiệp định Sơ bộ. B. Ký Hiệp ước Hác-măng.
C. Ký Định ước Hen-xin-ki. D. Ký Hiệp ước Pa-tơ-nốt.
- Câu 17.** Năm 1949, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có hoạt động đối ngoại nổi bật nào sau đây với Pháp?
A. Ký Hiệp ước Hác-măng. B. Ký Bản Tạm ước Việt – Pháp.
C. Ký Định ước Hen-xin-ki. D. Ký Hiệp ước Pa-tơ-nốt.
- Câu 18.** Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 6/3/1946 với Trung Hoa dân quốc, Chính phủ Việt Nam thực hiện chủ trương
A. hòa hoãn và tránh xung đột. B. kiên quyết đấu tranh đến cùng.
C. cứng rắn về sách lược. D. mềm dẻo về nguyên tắc.
- Câu 19.** Từ ngày 6/3/1946 đến trước ngày 19/12/1946, đối với quân Trung Hoa dân quốc và thực dân Pháp, Chính phủ Việt nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương
A. hòa với Tưởng để đuổi Pháp về nước. B. hòa với Pháp để đuổi Tưởng về nước.
C. kiên quyết kháng chiến đến cùng với kẻ thù D. cứng rắn không nhượng bộ với cả hai.

Câu 20. Trong Hiệp định sơ bộ, Pháp công nhận Chính phủ Việt Nam là quốc gia

- A. độc lập. B. tự do. C. tự chủ D. tự quyết.

Câu 21. Trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc, Phan Bội Châu thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội (1912) nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Đánh Mĩ giành độc lập, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.
B. Đánh Pháp giành độc lập, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.
C. Đánh Pháp giành độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
D. Tiến hành cải cách đất nước, lập ra nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 22. Hoạt động của Phan Châu Trinh trong thời gian ở Pháp (những năm đầu thế kỉ XX) nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Vận động cải cách cho Việt Nam. B. Thiết lập quan hệ với nước Pháp.
C. Nhờ Pháp để đánh đuổi Nhật Bản. D. Vận động trao trả độc lập cho Việt Nam.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** mục đích hoạt động của Hội Liên hiệp thuộc địa được Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập tại Pháp (1921)?

- A. Đào tạo thanh niên ở các nước thuộc địa đưa về nước hoạt động.
B. Liên minh với các nước tư bản để chống chủ nghĩa thực dân.
C. Lãnh đạo phong trào công nhân ở các nước tư bản phương Tây.
D. Đoàn kết các lực lượng cách mạng chống chủ nghĩa thực dân.

Câu 24. Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 – 1924) đã xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với

- A. hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. B. phong trào cách mạng ở Mỹ La-tinh.
C. cách mạng Lào và các nước Đông Âu. D. Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chủ trương trong hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945)?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.
B. Liên minh các nước phương Tây chống chủ nghĩa thực dân.
C. Liên kết chặt chẽ với khu vực Đông Âu chống thù chung.
D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước tư bản phương Tây

Câu 26. Điểm mới trong quan điểm đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc so với các nhà cách mạng tiền bối là

- A. phải dựa vào bên ngoài trong tiến trình cách mạng giải phóng.
B. sự giúp đỡ từ bên ngoài quyết định thắng lợi của cách mạng.
C. cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
D. phía thành lập được các tổ chức chính trị bên ngoài lãnh thổ.

Câu 27. Các hoạt động đối ngoại thực hiện trong giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám đến trước ngày 19/12/1946 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Tạo điều kiện cho các chiến dịch quân sự diễn ra.
B. Tập hợp quần chúng đứng dưới ngọn cờ của Đảng.
C. Tranh thủ thời gian hòa hoãn để chờ sự chỉ viện.
D. Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 28. Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tình hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.
B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, Chiến tranh lạnh.
C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.
D. Sự thiết lập Trật tự Véc-xai – Oa-sinh-ton, Chiến tranh lạnh.

Câu 29. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng bối cảnh hoạt động đối ngoại của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày 2/9/1945?

- A. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây trên thế giới đã xuất hiện.
B. Hệ thống xã hội chủ nghĩa dần hình thành trên thế giới.
C. Việt Nam chưa thoát khỏi tình thế bị bao vây, cô lập.
D. Việt Nam chưa được quốc gia nào đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 30. Việc kí Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 chứng tỏ

- A. sự non yếu trong lãnh đạo của ta. B. đường lối, chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.
C. sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta. D. sự mềm dẻo của ta trong việc phân hoá kẻ thù.

Câu 31. Phong trào Đông du (1905 – 1908) do Phan Bội Châu khởi xướng đã để lại bài học nào sau đây cho nhân dân Việt Nam hiện nay?

- A. Tranh thủ ngoại lực, phát huy sức mạnh nội lực. B. Nói đi đôi với làm, không ngừng rèn luyện bản thân.
C. Vừa học, vừa làm phụng sự gia đình và xã hội. D. Dám nói, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

Câu 32. Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 đến 1930 đã để lại bài học quý giá nào sau đây cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay?

- A. Coi ngoại lực là động lực chủ yếu để phát triển cuộc sống bản thân.
B. Kết hợp tiến bộ của nhân loại với những giá trị của bản thân mình.
C. Đề cao cá nhân và vươn tầm ảnh hưởng của bản thân ra thế giới.
D. Nghị lực và bản lĩnh, rèn luyện ý chí quyết tâm, không ngừng phấn đấu.

Câu 33. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), định hướng ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh nguyên tắc nào sau đây trong quan hệ quốc tế để đảm bảo lợi ích và phát triển bền vững của đất nước?

- A. Hợp tác quốc tế chỉ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước có cùng hệ thống chính trị.
- B. Cùng tồn tại hòa bình, hợp tác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi không phân biệt chế độ.
- C. Ưu tiên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các nước có hệ thống chính trị tương đồng.
- D. Chỉ hợp tác với các nước phát triển kinh tế mạnh, không quan tâm đến hệ thống chính trị.

Câu 34. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm, lập trường về đường lối hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay?

- A. Không chọn bên, mà chọn công lý và lẽ phải.
- B. Chọn đối tác, không chọn đối tượng hợp tác.
- C. Không lảng giềng gần, mà chọn bạn ở xa.
- D. Chọn bên, chọn đối tác và công lý, lẽ phải.

Câu 35. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và đế quốc Mỹ (1954 – 1975) ở Việt Nam?

- A. Đấu tranh ngoại giao có quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.
- B. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
- C. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
- D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chỉ phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Câu 36. Trong hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1954 – 1975) đã khôn khéo cân bằng quan hệ ngoại giao với những nước nào?

- A. Liên Xô, Mông Cổ.
- B. Liên Xô, Trung Quốc.
- C. Cam-pu-chia, Lào.
- D. Trung Quốc, Cam-pu-chia.

Câu 37. Từ thắng lợi của Việt Nam trong Hội nghị Pa-ri (1973), Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
- B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Câu 38. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giai đoạn (1954 – 1975) đã góp phần

- A. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ lên bước mới.
- B. Đưa cuộc kháng chiến chống Pháp lên bước mới.
- C. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.
- D. Đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ phát triển mạnh mẽ.

Câu 39. Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải và biển đảo của Tổ quốc, ngoại trừ

- A. đạt được nhiều thỏa thuận trong phát triển đường biên giới với Cam-pu-chia.
- B. kí với Trung Quốc hiệp ước biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ.
- C. đàm phán ranh giới trên biển với Ma-lai-xia, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.
- D. tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Câu 40. Đến năm 2020, Việt Nam đã thể hiện là một quốc gia năng động, tích cực trong hoạt động đối ngoại qua biểu hiện nào sau đây?

- A. Cùng với Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội trên thế giới.
- B. Tham gia tất cả các diễn đàn quốc tế về giải quyết các vấn đề toàn cầu.
- C. Thành viên của 63 tổ chức quốc tế và hơn 500 tổ chức phi chính phủ.
- D. Hợp tác tích cực, có hiệu quả trong tất cả các tổ chức, diễn đàn quốc tế.

1. Cho đoạn tư liệu sau, trả lời các câu hỏi 41,42,43:

“Ngày 14/1/1950, thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính phủ các nước trên thế giới”, khẳng định chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của nước Việt Nam và sẵn sàng kiến lập ngoại giao với các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam”.... Đáp lại, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao chính thức với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 18/1/1950 và 30/1/1950.”

(Trích *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 424.)

Câu 41. Trong năm 1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đạt được thành tựu ngoại giao nào sau đây?

- A. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc.
- B. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân quốc.
- C. Thiết lập được quan hệ ngoại giao với tất cả các nước dân chủ.
- D. Buộc Pháp phải công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập và tự do.

Câu 42. Theo đoạn trích, nguyên tắc cơ bản để Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng kiến lập quan hệ ngoại giao với các nước là

- A. Tôn trọng chế độ chính trị và thể chế kinh tế của nhau.
- B. Phải công nhận và ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. Chỉ kiến lập quan hệ với các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa.
- D. Dựa trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam.

Câu 43. Ý nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa của việc Trung Quốc, Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao chính thức với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào đầu năm 1950?

- A. Lần đầu tiên nước ta thiết lập được quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với nước ngoài.
- B. Phá vỡ thế bị bao vây, cô lập về ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- C. Đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của thực dân Pháp trên chiến trường Việt Nam.
- D. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.

2. Cho đoạn tư liệu sau, trả lời các câu hỏi 44,45,46:

“Cuộc đàm phán Pari là cuộc đấu tranh cực kì gay go, quyết liệt giữa ta (Việt Nam) và Mĩ... Phía Mĩ phản ứng quyết liệt. Họ buộc phải xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mĩ về nước, nhưng vẫn ngoan cố đẩy mạnh chiến tranh “Việt Nam hóa”, thương lượng trên thế mạnh... Bị thất bại thảm hại trong cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B.52 cuối năm 1972, âm mưu đàm phán trên thế mạnh của Mĩ bị phá sản, ý chí xâm lược của Mĩ bị bẻ gãy. Không còn con bài nào nữa để mặc cả, Mĩ buộc phải kí Hiệp định Pari (27/1/1973), chấp nhận đơn phương rút hết quân Mĩ và quân các nước phụ thuộc về nước...”.

(Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 – 1954 – Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 235 – 236)

Câu 44. Theo đoạn trích, sự kiện nào đã buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri (27/1/1973)?

- A. Thắng lợi của ta trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968.
- B. Phong trào phản chiến trong lòng nước Mĩ lên cao.
- C. Thất bại của Mĩ trong cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B.52 cuối năm 1972.
- D. Ta giành được thắng lợi quyết định trên chiến trường miền Nam năm 1972.

Câu 45. Nhận xét nào dưới đây là đúng với Hiệp định Pari (1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

- A. Kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao dài nhất, khó khăn nhất.
- B. Thắng lợi chung của khối xã hội chủ nghĩa trước âm mưu của Mỹ.
- C. Hiệp định đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- D. Là thời cơ trực tiếp để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam.

Câu 46. Từ thắng lợi của Việt Nam trong Hội nghị Pa-ri (1973), Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
- B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Cho đoạn tư liệu sau, trả lời các câu hỏi 47,48,49:

“...Phát huy tác dụng của Đảng ta và nước ta trong cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Tăng cường đoàn kết với Lào và Cam-pu-chia, thực hiện hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho ba nước Đông Dương trở thành lực lượng vững chắc của cách mạng và hoà bình ở Đông Nam Á. Cùng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em...”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết lần thứ 24, khoá III của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975), *Văn kiện Đảng, toàn tập*, tập 36, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.401).

Câu 47. Theo đoạn tư liệu, Nghị quyết Trung ương Đảng khóa III (9/1975) đã xác định rõ mối quan hệ của nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa theo hướng nào?

- A. Cùng cố và tăng cường quan hệ hợp tác.
- B. Chuyển từ hợp tác sang tự lực tự cường hoàn toàn.
- C. Tạm dừng quan hệ để tập trung giải quyết vấn đề trong nước.
- D. Thiết lập quan hệ ngoại giao mới với các nước này.

Câu 48. Nội dung nào sau đây là một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985?

- A. Thúc đẩy quan hệ với Lào và Cam-pu-chia.
- B. Thúc đẩy quan hệ với Mĩ và Tây Âu.
- C. Tăng cường quan hệ với Nhật Bản.
- D. Tăng cường quan hệ với Trung Quốc.

Câu 49. Từ năm 1975 – 1985, Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại hòa bình, hữu nghị trong bối cảnh

- A. đã đạt được thành tựu bước đầu trong công cuộc Đổi mới đất nước.
- B. Mỹ đang leo thang trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.
- C. trật tự thế giới hai cực I-an-ta và cực diện Chiến tranh lạnh đang tồn tại.
- D. đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với tất cả các nước láng giềng.

CHỦ ĐỀ 6: HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Năm 1911, Nguyễn Tất Thành có hoạt động nào sau đây?

- A. Tham gia phong trào chống thuế ở Vinh.
- B. Tham gia Việt Nam Quang phục hội.
- C. Bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.
- D. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 2. Hoàn cảnh đất nước ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là

- A. khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo.
- B. sinh ra trên mảnh đất có truyền thống yêu nước chống Pháp.
- C. sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước.
- D. ngay từ nhỏ đã có trí thông minh, nhãn quan chính trị sắc bén.

Câu 3. Hoàn cảnh quê hương ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là

- A. khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo.
- B. sinh ra trên mảnh đất có truyền thống yêu nước chống Pháp.
- C. sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước.
- D. ngay từ nhỏ đã có trí thông minh, nhãn quan chính trị sắc bén.

Câu 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình

- A. có truyền thống yêu nước.
- B. có kinh nghiệm đi biển.
- C. nông dân rất nghèo khổ.
- D. công nhân kỹ thuật cao.

Câu 5. Yếu tố cá nhân ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là

- A. khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo.
- B. sinh ra trên mảnh đất có truyền thống yêu nước chống Pháp.
- C. sinh ra trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước.
- D. ngay từ nhỏ đã có trí thông minh, nhãn quan chính trị sắc bén.

Câu 6. Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai (Pháp) Bản yêu sách của nhân dân An Nam đòi Pháp và Đồng minh thừa nhận

- A. quyền tự do.
- B. quyền độc lập.
- C. quyền đi lại.
- D. quyền được sống.

Câu 7. Từ năm 1920, con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc lựa chọn là

- A. theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- B. đấu tranh vũ trang kết hợp bãi công, biểu tình.
- C. kêu gọi sự ủng hộ từ các nước khác trên thế giới.
- D. theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Câu 8. Nguyễn Ái Quốc đã gửi văn kiện nào tới Hội nghị Véc-xai năm 1919?

- A. “Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa”.
- B. “Bản án chế độ thực dân Pháp”.
- C. “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”.
- D. “Kẻ cướp nói chuyện hòa bình”.

Câu 9. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Phát động phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” trên khắp miền Nam.
- C. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước ở các tỉnh miền Bắc của Việt Nam.
- D. Ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại.

Câu 10. Trong giai đoạn 1954 – 1969, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.
- B. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 11. Một trong những phẩm chất tốt đẹp của xứ Nghệ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và thể hiện rõ nét trong cuộc đời hoạt động các mạng là

- A. ý chí trong học tập.
- B. trọng nghĩa khinh tài.
- C. giỏi nghề thủ công.
- D. kinh nghiệm đi biển.

Câu 12. Ngôi trường nào sau đây mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng theo học thuở nhỏ?

- A. Hoàng Phố.
- B. Quốc học Huế.
- C. Quốc Tử giám.
- D. Đồng Khánh.

Câu 13. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc.
- B. Pháp.
- C. Liên Xô.
- D. Việt Nam.

Câu 14. Trong thời gian ở Pháp (1917 – 1923), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản.
- B. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
- C. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.
- D. Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Câu 15. Trong thời gian hoạt động tại Trung Quốc (1924 – 1927), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- B. Lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- C. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 16. Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Thành lập Mặt trận Việt Minh.
- B. Hợp nhất các tổ chức cộng sản.
- C. Soạn thảo Luận cương chính trị.
- D. Trở về nước lãnh đạo cách mạng.

Câu 17. Tổ chức nào sau đây được thành lập theo quyết định của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì?

- A. Việt Nam Độc lập đồng minh.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Tân Việt Cách mạng đảng.
- D. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Câu 18. Năm 1945, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành kháng chiến chống Pháp và Mỹ.
- B. Xây dựng và hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- C. Phát động và lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Triệu tập và chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Câu 19. Trước khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911), tình hình Việt Nam có đặc điểm nổi bật nào sau đây?

- A. Mâu thuẫn giữa công nhân với địa chủ phong kiến và tay sai là cơ bản.
- B. Thực dân Pháp câu kết với tay sai mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược.
- C. Phong trào chống Pháp và tay sai diễn ra sôi nổi nhưng đều bị thất bại.
- D. Khuynh hướng cứu nước phong kiến và dân chủ tư sản cùng xuất hiện.

Câu 20. Quê hương xứ Nghệ của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là vùng đất có

- A. chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập.
- B. nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử.
- C. bến cảng nơi Người ra đi tìm đường cứu nước.
- D. cuộc kháng chiến chống pháp nổ ra sớm nhất.

Câu 21. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng (1911 – 1969), Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh được kế thừa những truyền thống nào sau đây của quê hương Nghệ An và gia đình?

- A. Truyền thống khoa bảng và tinh thần chống phát xít.
- B. Yêu chuộng hoà bình, chống chủ nghĩa phát xít.
- C. Truyền thống hiếu học và chống phát xít.
- D. Truyền thống yêu nước, hiếu học và đoàn kết.

Câu 22. Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành

- A. người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.
- B. lãnh tụ tối cao của cách mạng Việt Nam.
- C. Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản.
- D. Phái viên của Quốc tế cộng sản ở châu Phi.

Câu 23. Khi đang hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tờ báo nào sau đây?

- A. Nhân đạo.
- B. Người cùng khổ.
- C. Thanh niên.
- D. Búa liềm.

Câu 24. Trong giai đoạn 1941 – 1945, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động nào sau đây?

- A. Tổ chức chỉ đạo xây dựng căn cứ địa cách mạng.
- B. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba.
- C. Chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản.
- D. Gửi bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam.

Câu 25. Tháng 8/ 1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh đảm nhận cương vị nào sau đây trong bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

- A. Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Thủ tướng Chính phủ liên hiệp kháng chiến.
- C. Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 26. Nhận xét nào sau đây đúng về bối cảnh Việt Nam khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

- A. Hệ tư tưởng phong kiến đã lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử.
- B. Triều đình nhà Nguyễn đã sụp đổ sau khi ký các hiệp ước với Pháp.
- C. Phong trào yêu nước bùng nổ và đã giành được thắng lợi bước đầu.
- D. Giai cấp công nhân ra đời và giữ vai trò lãnh đạo các cuộc đấu tranh.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh đầu thế kỷ XX?

- A. Đất nước bị mất độc lập, con đường cứu nước rơi vào khủng hoảng, bế tắc.
- B. Phong trào yêu nước chống Pháp theo khuynh hướng tư sản đã chấm dứt.
- C. Phong trào đấu tranh chống Pháp và phong kiến tay sai đã ngừng hoạt động.
- D. Nhân dân không ủng hộ cuộc đấu tranh chống Pháp của các sĩ phu phong kiến.

Câu 28. Vào tháng 6/1919, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động quan trọng nào dưới đây?

- A. Tham gia sáng lập tổ chức Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari.
- B. Dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp và sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- C. Gửi đến Hội nghị Véc-xai (Pháp) bản Yêu sách của nhân dân An Nam.
- D. Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.

Câu 29. Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố ảnh hưởng đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh?

- A. Hoàn cảnh đất nước.
- B. Hoàn cảnh gia đình
- C. Hoàn cảnh quê hương.
- D. Chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 30. Trong giai đoạn 1945 – 1954, Nguyễn Ái Quốc có vai trò gì đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.
- B. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công.
- D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 31. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho nhân dân Việt Nam (1920) vì một trong những lí do nào sau đây?

- A. Các mô hình nhà nước tư sản đã lạc hậu với thời đại.
- B. Tác động của thời đại mới và yêu cầu của lịch sử dân tộc.
- C. Các khuynh hướng cứu nước khác đã trở nên lỗi thời.
- D. Nhiều nước đã thực hiện thành công cách mạng vô sản.

Câu 32. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1921 đến năm 1924 là quá trình

- A. tự khảo sát, rèn luyện để tìm chân lý cứu nước.
- B. trực tiếp chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng.
- C. chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho sự thành lập Đảng.
- D. trực tiếp đào tạo đội ngũ cán bộ cho việc thành lập Đảng.

Câu 33. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1945 đến năm 1969?

- A. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.
- C. Tháng 2/1951, được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
- D. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 34. Yếu tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến hành trình cứu nước và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong những năm 1911 – 1969?

- A. Đất nước bị mất độc lập, nhân dân bị áp bức, bóc lột.
- B. Truyền thống gia đình và nhân quan chính trị của Người.
- C. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc và quê hương.
- D. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây và xu thế toàn cầu hóa.

Câu 35. Trước khi Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911), tình hình Việt Nam có đặc điểm nổi bật là

- A. mâu thuẫn giữa công nhân với địa chủ phong kiến và tay sai là cơ bản.
- B. thực dân Pháp câu kết với tay sai mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược.
- C. phong trào chống Pháp và tay sai diễn ra sôi nổi nhưng đều bị thất bại.
- D. khuynh hướng cứu nước phong kiến và dân chủ tư sản cùng xuất hiện.

Câu 36. Cuối thế kỉ XIX, hoàn cảnh nào sau đây của đất nước Việt Nam đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- B. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản diễn ra rộng khắp.
- C. Cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.
- D. Thực dân Pháp hoàn thành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 37. Nội dung nào sau đây đúng về hoàn cảnh gia đình đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Thân mẫu từng thi đỗ cử nhân tại trường thi Nghệ An.
- B. Thân phụ là người tham gia khởi xướng phong trào Đông Du.
- C. Thân phụ đã từng tích cực tham gia cuộc vận động Duy tân.
- D. Thân phụ là một tấm gương sáng về ý chí vượt khó.

Câu 38. Năm 1920, khi đang hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã có đóng góp nào sau đây đối với lịch sử Việt Nam?

- A. Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.
- B. Tìm ra con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản.
- C. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- D. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Câu 39. Tháng 2/1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn một số thanh niên ưu tú trong tổ chức Tâm tâm xã để thành lập Cộng sản đoàn. Những thanh niên được lựa chọn đều

- A. có tinh thần yêu nước, có chí hướng quyết tâm giải phóng dân tộc.
- B. từng tham gia vào vụ ám sát Toàn quyền Đông Dương (Méclanh).
- C. đã tham gia vào tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Châu.
- D. thấm nhuần lí luận về chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng vô sản.

Câu 40. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội XVIII (12/1920) của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp có ý nghĩa nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp trong cách mạng Việt Nam.
- B. Đặt nền móng cho việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương sau này.
- C. Đánh dấu bước ngoặt trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.
- D. Khẳng định sự ủng hộ của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ”.

(Ngân hàng Thế giới, *Tổng quan về Việt Nam*)

a) Việt Nam bắt đầu tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986.

b) Công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều thuận lợi để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế.

c) Đường lối Đổi mới ở Việt Nam tuy có sự điều chỉnh nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược qua mỗi giai đoạn khác nhau nhưng đều nhằm xây dựng thành công một chế độ xã hội tiến bộ.

d) Những thành công bước đầu trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam để lại bài học sâu sắc về việc kết hợp sức mạnh nội lực ở trong nước và sức mạnh quốc tế.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ. Từ năm 2002 đến năm 2020, GDP đầu người tăng 3,6 lần, đạt gần 3700 USD. Tỷ lệ nghèo (theo chuẩn 3,65 USD/ngày, theo PPP năm 2017) giảm từ hơn 14% năm 2010 xuống còn 3,8% năm 2020... Y tế đạt nhiều tiến bộ lớn khi mức sống ngày càng cải thiện”.

(Ngân hàng Thế giới, *Tổng quan về Việt Nam*)

a) Trong quá trình Đổi mới đất nước từ năm 1986, Việt Nam đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, y tế.

b) Xu thế toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học – công nghệ diễn ra mạnh mẽ tạo sức mạnh thời đại to lớn để Việt Nam đẩy mạnh công cuộc Đổi mới đất nước.

c) Trong thực tiễn quá trình Đổi mới đất nước, Việt Nam đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội.

d) Những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam đã góp phần làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới hiện nay ngày càng hùng mạnh.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng từ 327,8 tỉ USD năm 2015 lên khoảng 517 tỉ USD năm 2019. Năm 2020, mặc dù ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid – 19 vẫn đạt 543,9 tỉ USD, tăng gần 1,7 lần và tương đương 200% GDP. Xuất khẩu hàng hóa tăng từ 162 tỉ USD năm 2015 lên 281,5 tỉ USD năm 2020, tăng bình quân 11,7% giai đoạn 2016 – 2020”.

(Theo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trích trong Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.7)

a) Đoạn tư liệu cho thấy những thành tựu to lớn của Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội giai đoạn 2015 – 2020.

b) Trong quá trình Đổi mới đất nước, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam gia tăng qua các năm và tiến tới cân bằng giữa xuất khẩu và nhập khẩu.

c) Kinh tế nông nghiệp, công nghiệp trong nước phát triển đã tạo tiền đề chủ quan và khách quan để Việt Nam đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại.

d) Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tăng nhanh qua các năm tạo động lực quan trọng để Việt Nam mở rộng quy mô nền kinh tế.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền hòa bình thế giới bền vững, và vì đã chịu những đau thương quá dữ dội dưới sự thống trị trực tiếp của người Pháp và còn khốc liệt hơn nữa kể từ cuộc mặc cả giữa Pháp và Nhật vào năm 1941, nên kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương”.

(Hồ Chí Minh, *Thư gửi Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (1945)*, trích trong: Nguyễn Anh Minh, *Hồ Chí Minh với những bức thư mong muốn cho hòa bình Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.30).

a) *Thư gửi Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (1945)* của chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện mong muốn hòa bình của Việt Nam sau khi giành độc lập.

b) Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ thiện chí hợp tác với Liên hợp quốc xây dựng hòa bình trong bối cảnh chiến tranh lạnh đang bao trùm thế giới.

c) Việc kí kết các Hiệp định Sơ bộ (1946) và Giơ-ne-vơ (1954) là một trong những biện pháp Việt Nam thực hiện để ngăn chặn không cho “*người Pháp trở lại Đông Dương*”.

d) Thực tiễn cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam cho thấy tư tưởng bạo lực cách mạng và nhân đạo hòa bình không có sự đối lập.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“*Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra định hướng chung cho hoạt động đối ngoại là: “Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình”.*

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 51*, NXB Chính trị quốc gia, 2007, tr.118)

a) Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thiết lập quan hệ với tất cả quốc gia trên thế giới trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi.

b) Bản chất của hoạt động đối ngoại Việt Nam thời kì Đổi mới là đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại nhằm phục vụ lợi ích dân tộc chân chính.

c) Đường lối đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh và Hiến chương Liên hợp quốc

d) Hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội là thực tiễn trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1945 đến nay.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“*Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc tiền bối như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám, nhưng không đi theo con đường của vị nào. Mang trong mình lòng yêu nước nồng nàn và tình thương yêu bao la đối với đồng bào cùng khổ, truyền thống quật cường của dân tộc, với hòa bão và tư duy vượt qua mọi lối mòn của những người đi trước, năm 1911, Nguyễn Ái Quốc (lúc đó là Nguyễn Tất Thành) đã rời Tổ quốc sang phương Tây để nhận thức thế giới, tìm hiểu tận gốc nền văn minh phương Tây đúng đắn để tìm một con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam”.*

(Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1954 – 1975 – Thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.53 – 54)

a) Nguyễn Tất Thành sang phương Tây tìm đường cứu nước xuất phát từ yêu cầu bức thiết của dân tộc và nhân quan chính trị sắc bén.

b) Sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước (1911) đã chấm dứt hoàn toàn sự khủng hoảng về đường lối cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam.

c) Việc xác định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Cách mạng tháng Mười Nga (1917), trước hết vì cuộc cách mạng này đã lật đổ được sự thống trị của tư sản và phong kiến.

d) Những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam được truyền bá về nước (những năm 20 của thế kỉ XX) đã thúc đẩy giai cấp công nhân phát triển, trở thành giai cấp cầm quyền.

Câu 7: Đọc đoạn thông tin sau đây:

Trong thời gian ở Pháp (1919 – 1923), Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng cách mạng vô sản (1920) và bước đầu chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Những năm hoạt động ở Trung Quốc (1924 – 1927), Nguyễn Ái Quốc đã thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng, mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

a) Trong thời gian ở Trung Quốc (1924 – 1927), Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều hoạt động nhằm chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Nguyễn Ái Quốc là nhà yêu nước cách mạng đầu tiên đã tìm ra con đường giải phóng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

c) Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho dân tộc Việt Nam trong bối cảnh đã có những khảo cứu về cách mạng tháng Mười Nga và các cuộc cách mạng tư sản trước đó.

d) Trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng được một số cơ sở cách mạng ở hải ngoại và giành được một số quyền tự do cho dân tộc.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1. So sánh hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX

- Điểm giống nhau:

- + Hoàn cảnh: chịu tác động của trào lưu dân chủ tư sản từ Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp dội vào Việt Nam.
- + Lãnh đạo: xuất thân là những văn thân sỹ phu yêu nước có tư tưởng tiến bộ
- + Mục tiêu: tiến hành các hoạt động đối ngoại nhằm đánh đổ thực dân, tay sai, giành độc lập dân tộc.
- + Đối tượng ngoại giao: ra nước ngoài học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm sự giúp đỡ.

- Điểm khác nhau

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Chủ trương	Dựa vào Nhật để đánh Pháp, thành lập chính thể quân chủ lập hiến	Dựa vào Pháp để đánh phong kiến
Xu hướng	Bạo động vũ trang	Cải cách
Con đường	Chủ trương giải phóng dân tộc để tiến hành cải cách dân chủ.	Nhấn mạnh cải cách dân chủ cho đó là điều kiện giải phóng dân tộc.
Hoạt động tiêu biểu	Thành lập Duy tân hội, tổ chức phong trào Đông du	Mở cuộc vận động Duy Tân, lập trường Đông Kinh nghĩa thực,...
Phương thức hoạt động	Bí mật, hợp pháp, có tổ chức	Công khai, hợp pháp, không thành lập tổ chức chính trị mà chỉ kêu gọi, hô hào.

Câu 2. So sánh hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc với các bậc tiền bối:

- Điểm giống nhau:

- + Điều xuất phát từ lòng yêu nước.
- + Bối cảnh: khuynh hướng phong kiến đã trở nên lỗi thời, lạc hậu không đủ sức tập hợp lực lượng tiến hành công cuộc giải phóng đất nước.
- + Mục tiêu: giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc
- + Phương thức: đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài tìm cách cứu nước.
- Điểm khác nhau:

Nội dung	Các bậc tiền bối	Nguyễn Ái Quốc
Hướng đi	- Chủ trương sang Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp,... nơi có điều kiện giống với Việt Nam, để tìm đường cứu nước.	- Chủ trương sang các nước phương Tây, đặc biệt là đến Pháp.
Đối tượng tiếp cận	- Nhật Bản, Trung Quốc, Xiêm, Pháp và các nước thuộc địa ở châu Á.	- Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, nhân dân các nước thuộc địa, các nước Đông Nam Á, Mỹ
Cách tiếp cận	- Phan Bội Châu chủ trương cầu viện Nhật Bản để đánh Pháp giành độc lập dân tộc. - Phan Châu Trinh dựa vào Pháp để đem đến sự giàu mạnh cho dân tộc...	- Sang các nước phương Tây, phân biệt rõ bạn và thù... Từ đó xác định muốn cứu nước giải phóng dân tộc không thể trông chờ vào sự giúp đỡ từ bên ngoài để giành độc lập dân tộc mà phải dựa và chính mình.
Khuynh hướng	Khuynh hướng dân chủ tư sản	Khuynh hướng vô sản

Câu 3. Bài học về công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986-nay

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê- nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp
- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân
- Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.